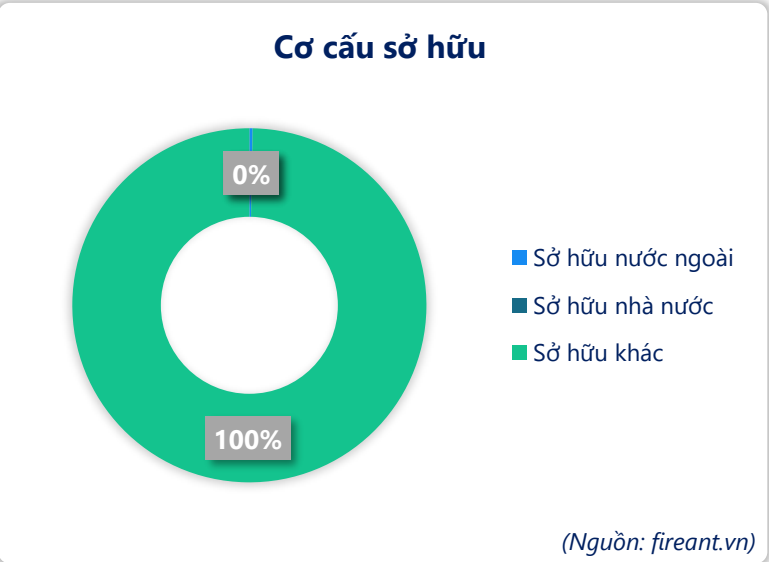
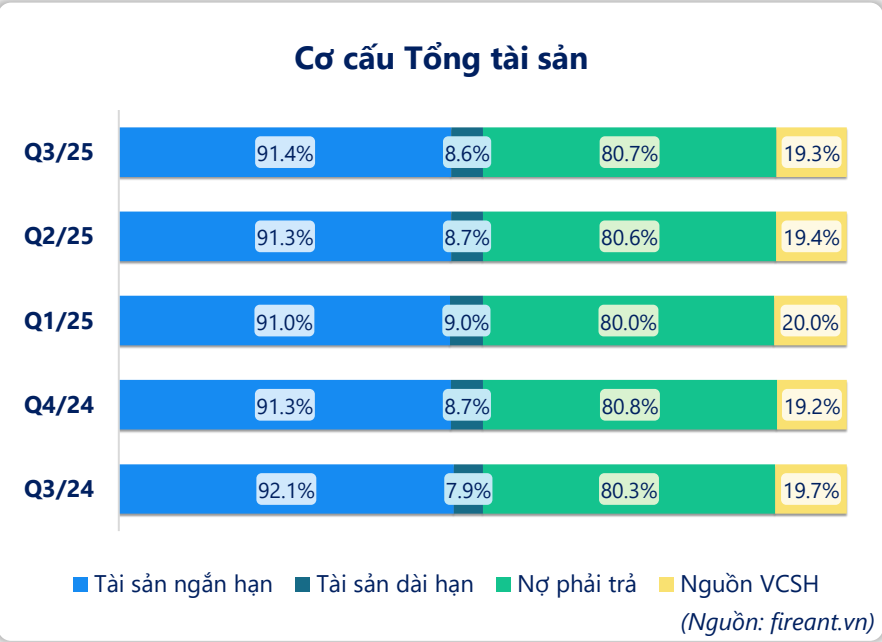
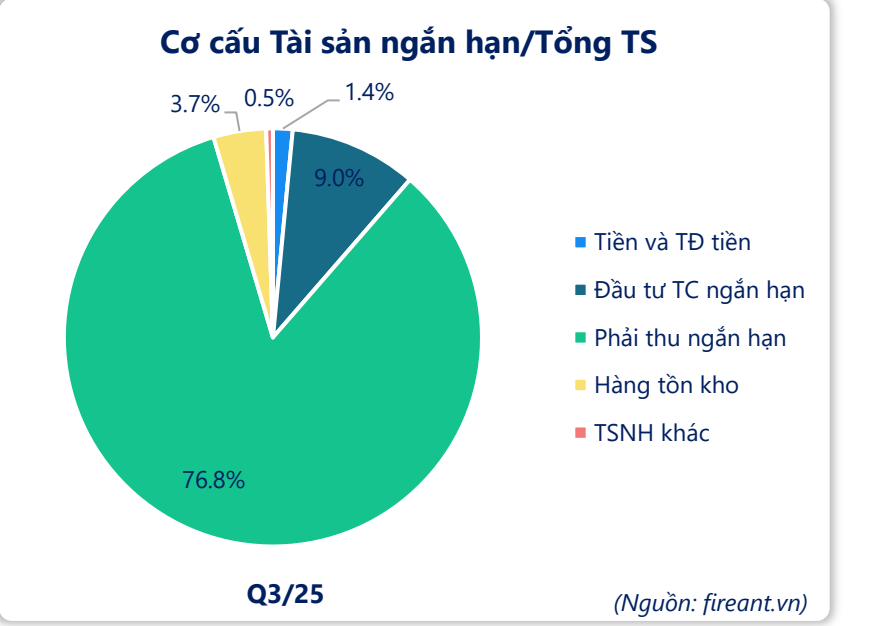
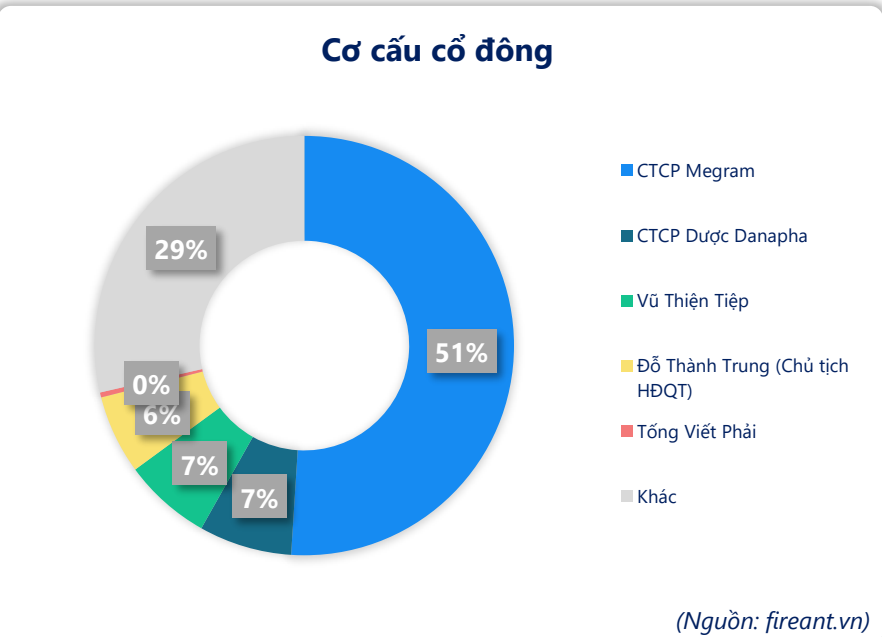
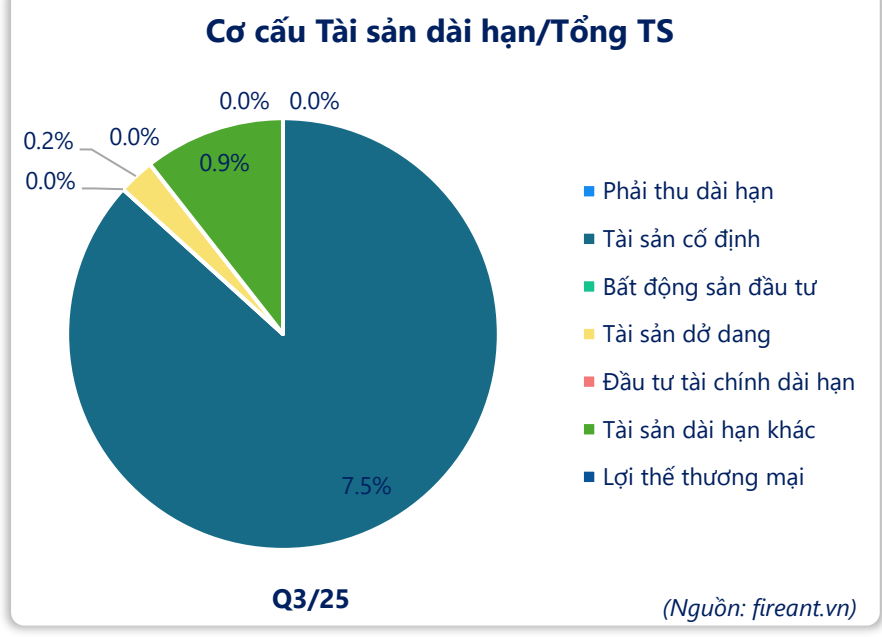
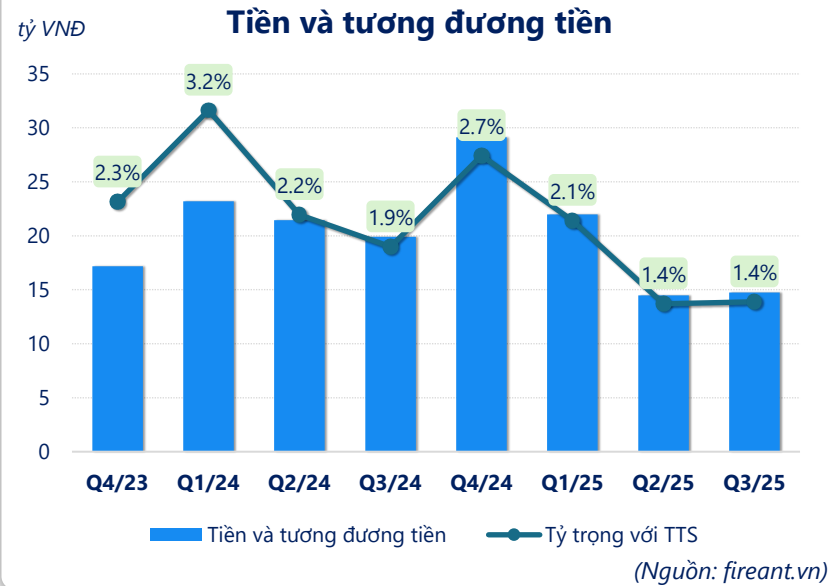
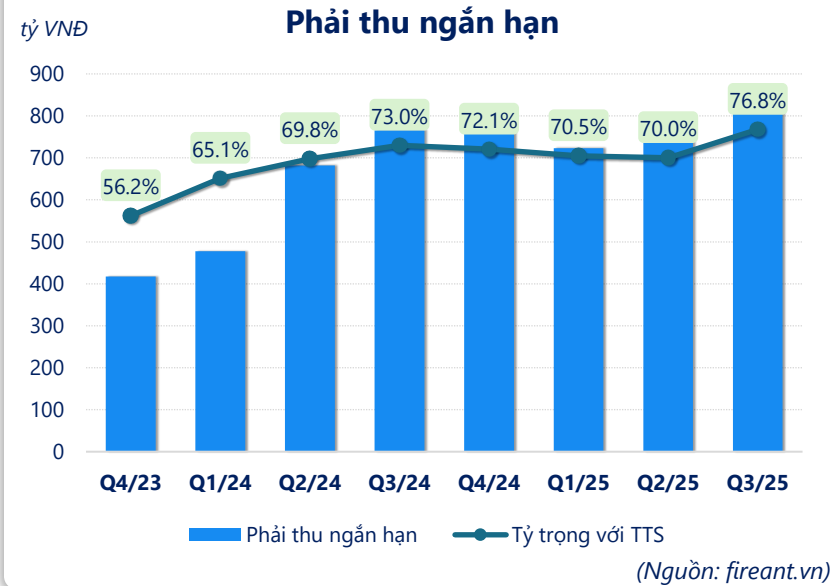
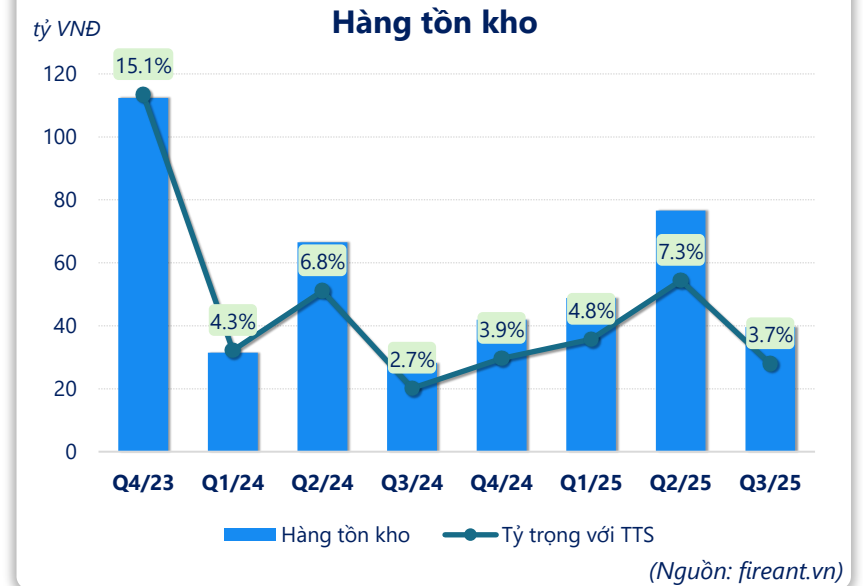
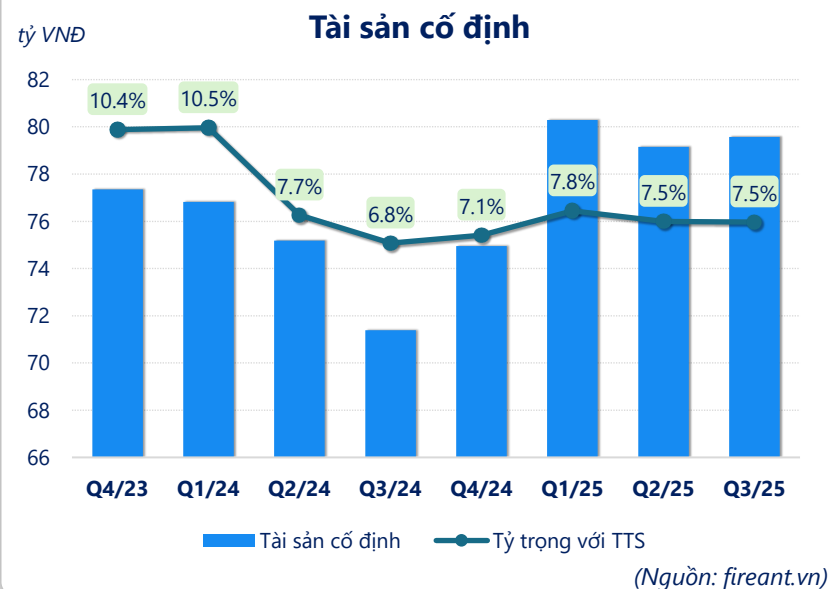
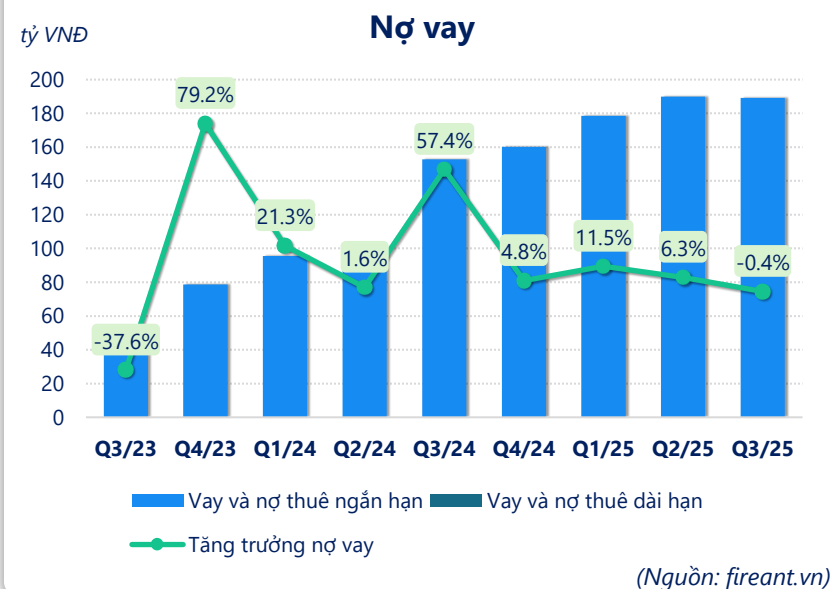
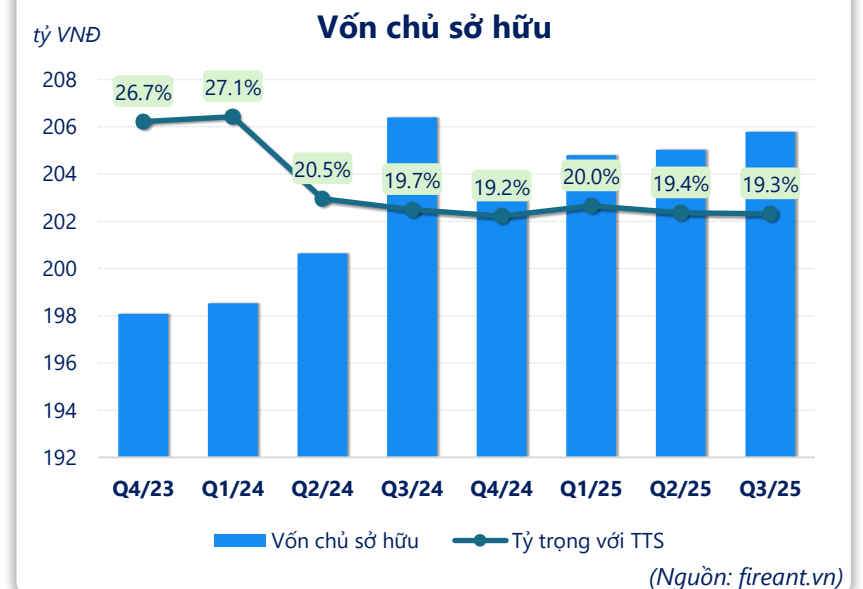
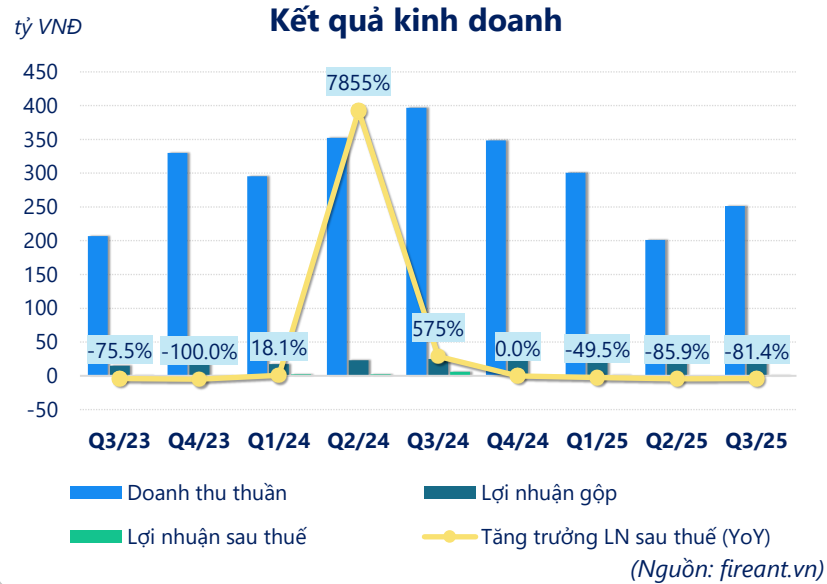
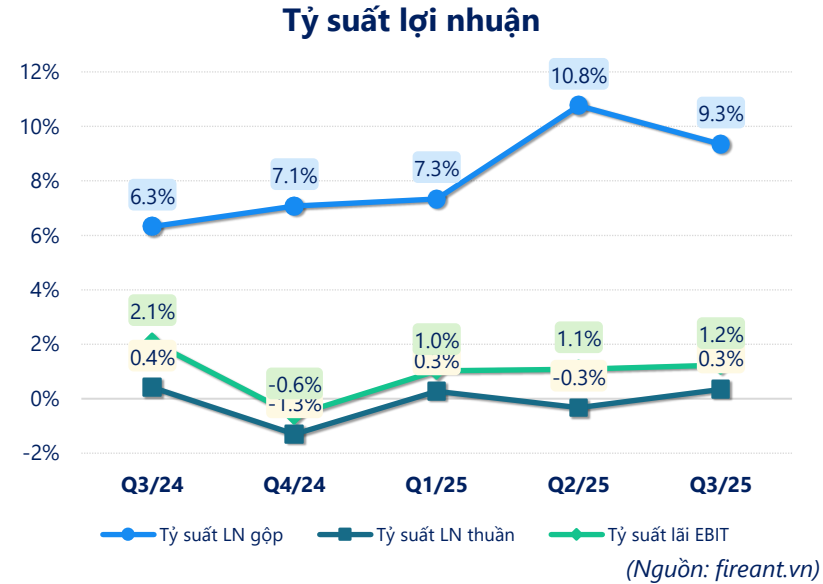
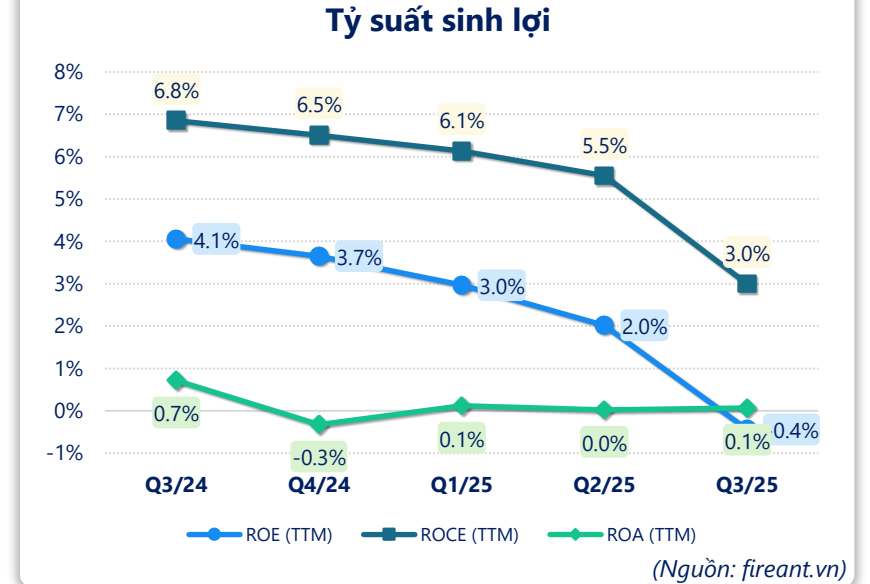
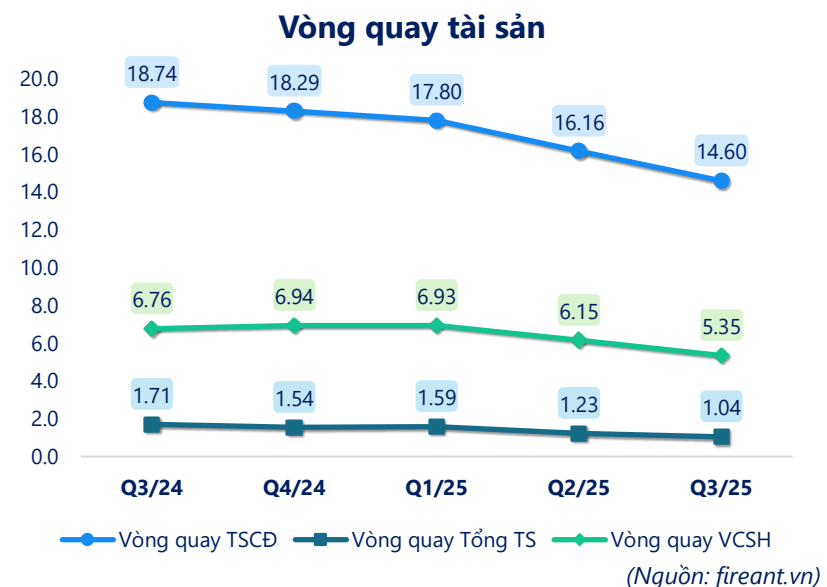
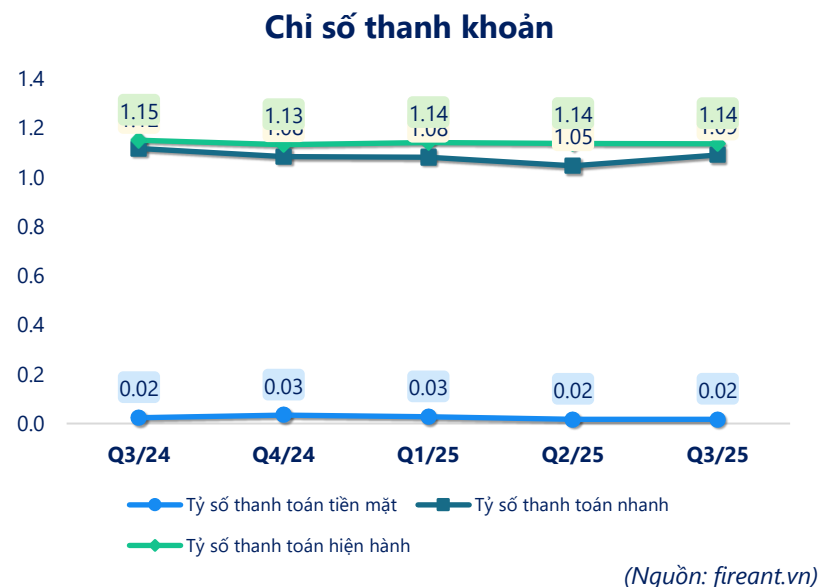
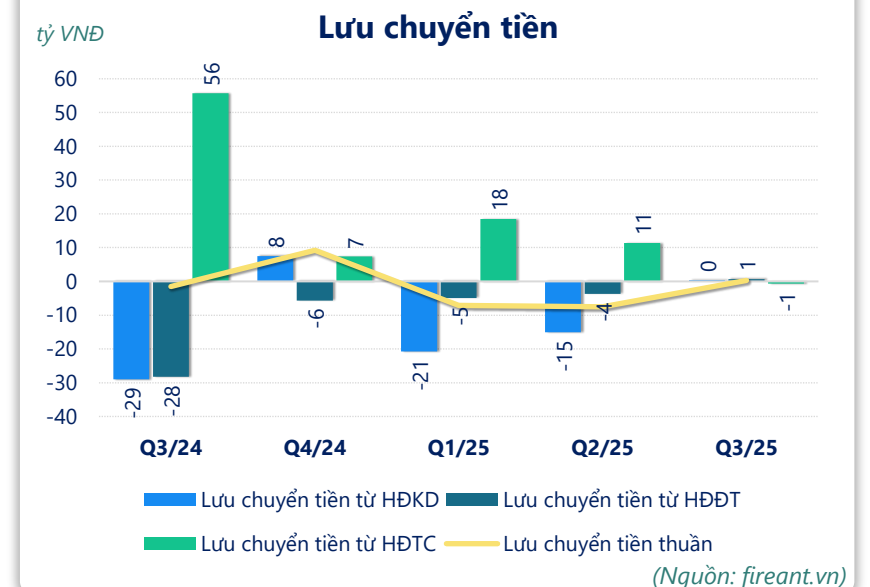


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,047
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,300
SL cổ phiếu LH		16,116,383
KLGD BQ 20 phiên (CP)		63,785
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		105
P/E		-115.9
EPS		-56

	YTD	1T	3T	6T
DDN	-10.8%	1.6%	-4.4%	-10.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,064	1,173	-9.3%
Tài sản ngắn hạn	972	1,080	-10.0%
Tiền và tương đương tiền	14.8	29.1	-49.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	95.9	124	-22.4%
Phải thu ngắn hạn	817	752	8.7%
Hàng tồn kho	39.6	167	-76.3%
Tài sản ngắn hạn khác	5.02	8.81	-43.0%
Tài sản dài hạn	91.8	92.6	-0.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	79.6	80.7	-1.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.49	1.94	28.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.71	9.98	-2.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	858	969	-11.4%
Nợ ngắn hạn	856	967	-11.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	189	160	18.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	609	737	-17.5%
Nợ dài hạn	2.73	2.48	10.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	206	204	1.0%
Vốn chủ sở hữu	206	204	1.0%
Vốn điều lệ	161	153	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	397	349	301	201	251
Giá vốn hàng bán	372	324	279	180	228
Lợi nhuận gộp	25.1	24.7	22.0	21.7	23.5
Doanh thu HĐTC	6.59	7.36	7.70	6.76	10.3
Chi phí TC	5.70	6.33	8.78	7.86	8.86
Chi phí lãi vay	1.07	1.48	1.73	1.88	2.09
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	21.6	24.7	17.3	19.4	21.6
Chi phí QLDN	2.74	5.49	2.81	1.83	2.46
LN thuần từ HĐKD	1.64	-4.53	0.83	-0.65	0.87
Lợi nhuận khác	5.56	0.94	0.51	0.96	0.16
LN trước thuế	7.19	-3.60	1.34	0.31	1.03
Lợi nhuận sau thuế	5.76	-2.93	1.04	0.23	0.76
LNST của CĐ cty mẹ	5.76	-2.93	1.04	0.23	0.76

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-29.0	7.50	-20.7	-15.1	0.35
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-28.3	-5.64	-4.91	-3.73	0.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	55.7	7.35	18.5	11.3	-0.71
Tiền đầu kỳ	21.5	19.9	29.1	22.0	14.5
Lưu chuyển tiền thuần	-1.55	9.22	-7.15	-7.52	0.30
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	19.9	29.1	22.0	14.5	14.8

(Nguồn: fireant.vn)